

Đầu tư trực tiếp của Liên minh Châu Âu vào Việt Nam: thực trạng và triển vọng

NGUYỄN QUANG THUẤN

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một trong những ưu tiên trong phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam. Liên minh Châu Âu (EU) là nhà đầu tư lớn, có trình độ công nghệ cao và là đối tác kinh tế quan trọng vào bậc nhất của Việt Nam hiện nay. Do vậy, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài từ EU có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với nước ta trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mặc dù EU là nhà đầu tư lớn và sớm có mặt ở Việt Nam nhưng đến nay đầu tư của EU vào Việt Nam vẫn còn khiêm tốn và chưa ổn định. Bài viết này sẽ phân tích thực trạng đầu tư của EU vào Việt Nam, đưa ra những nhận xét và dự báo triển vọng trong giai đoạn tới.

1. Thực trạng đầu tư của EU vào Việt Nam

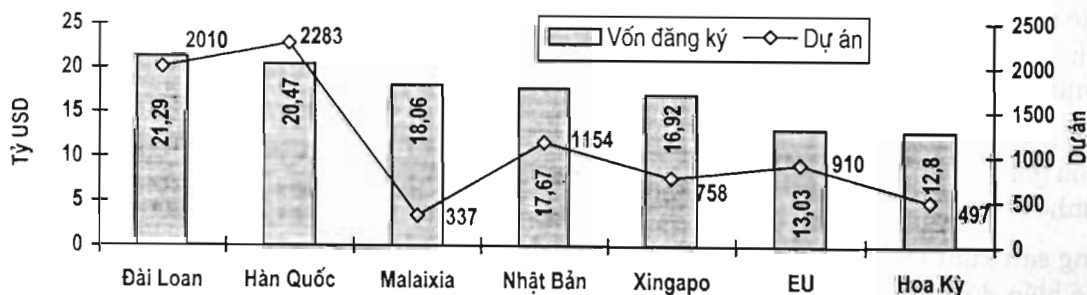
EU là một nhà đầu tư lớn và sớm có mặt ở Việt Nam. Các nước thành viên EU đầu tư vào Việt Nam từ cuối năm 1987, khi Việt Nam ban hành Luật Đầu tư nước ngoài. Tính đến hết ngày 20-10-2009, đã có 20 nước trong 27 thành viên EU có dự án đầu tư vào Việt Nam.

Về vốn đăng ký

EU là nhà đầu tư lớn thứ 6 tại Việt Nam (tính đến tháng 10-2009), sau các nước và vùng lãnh thổ: Đài Loan, Hàn Quốc, Malaixia, Xingapo và Nhật Bản. Tổng số vốn đăng ký của EU đến thời điểm 20-10-2009 đạt 13,03 tỷ

USD (chiếm 7,46% vốn đăng ký vào Việt Nam) và khoảng 5 tỷ USD đầu tư thực hiện trong số hơn 900 dự án đầu tư còn hiệu lực. So với các nhà đầu tư hàng đầu ở Việt Nam, số dự án của EU còn hiệu lực đến hết năm 2008 chỉ đứng sau Hàn Quốc, Đài Loan và Nhật Bản, nhiều hơn của Malaixia và Xingapo, nhưng số vốn lại ít hơn của Malaixia và Xingapo (xem hình 1). Mặc dù EU là nhà đầu tư nước ngoài lớn thứ 6 về vốn cam kết danh nghĩa, thực tế khối lượng tiền các nhà đầu tư EU bơm vào nền kinh tế Việt Nam còn lớn hơn nhiều do những công ty xuyên quốc gia của EU có chi nhánh tại các nước khác đầu tư vào Việt Nam¹.

HÌNH 1. Đầu tư của EU vào Việt Nam so với một số nhà đầu tư khác
(Tính đến ngày 20-10-2009, những dự án còn hiệu lực)



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam.

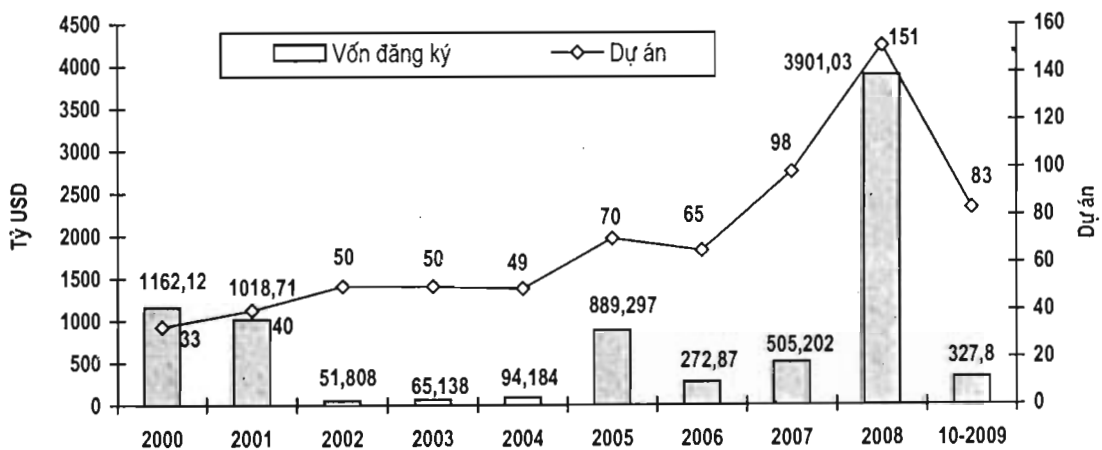
Nguyễn Quang Thuấn, PGS.TS., Viện Nghiên cứu Châu Âu.

1. EU-Vietnam economic and trade relations http://www.delvnm.ec.europa.eu/eu_vn_relations/trade_economic/trade_economic.htm

Những năm đầu Việt Nam tiến hành đổi mới toàn diện đất nước, đầu tư của EU vào Việt Nam không nhiều do khi đó EU đang phải tập trung cho thị trường nội bộ khối và dành ưu tiên cho thị trường Châu Mỹ. Đến đầu thập niên 90 (thế kỷ XX), các nhà đầu tư EU lại hướng đến các nước Trung Âu, Đông Âu. Từ năm 1995, khi Việt Nam và EU ký kết Hiệp định khung hợp tác, trong bối cảnh EU mới công bố chiến lược mới với Châu Á, đầu tư của EU vào Việt Nam đã có sự phát triển đáng kể. Đầu tư của EU vào Việt Nam năm 1995 đạt đỉnh cao là 868 triệu USD sau 2 năm suy giảm, lớn hơn cả vốn đầu tư của hai năm 1993 và năm 1994 cộng lại. Tuy nhiên, những năm sau đó tình hình đầu tư của EU vào Việt Nam lại không ổn định do nhiều nguyên nhân khác nhau. Năm 1996 đánh dấu sự giảm sút gần 50%

vốn đầu tư của EU vào Việt Nam, sang năm 1997, tình trạng này nhanh chóng kết thúc, khi các nước trong khu vực lâm vào khủng hoảng tài chính - tiền tệ thì lượng vốn đầu tư từ EU vào Việt Nam vẫn tăng, thậm chí còn là mức cao nhất kể từ năm 1988. Tuy nhiên dấu hiệu lạc quan này không duy trì được lâu khi đầu tư của EU trong 2 năm tiếp theo liên tục suy giảm, năm 1998 giảm 30% vốn đăng ký so với năm 1997, năm 1999 giảm 47% so với năm 1998. Mặc dù dòng vốn này từ EU giảm sút về giá trị tuyệt đối nhưng lại có xu hướng tăng về tỷ trọng vốn đăng ký. Sang năm 2000, khi đầu tư của các nước khác vào Việt Nam bắt đầu có dấu hiệu phục hồi thì đầu tư của EU lại đạt mức rất cao (1.162 triệu USD), sau đó lại giảm trong năm 2001, nhưng số dự án được cấp giấy phép đầu tư lại lớn hơn năm 2000 là 7 dự án.

HÌNH 2. Vốn FDI đầu tư mới của EU vào Việt Nam (2000 – 10-2009)



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam.

Sự sụt giảm này diễn ra mạnh nhất năm 2002, dòng vốn đầu tư từ EU vào Việt Nam giảm sút cả về giá trị và tỷ trọng trong tổng vốn đăng ký. Mặc dù trong 2 năm tiếp theo (là năm 2003 và 2004), dòng vốn đầu tư của khối này vào Việt Nam đã tăng lên nhưng vẫn ở mức thấp so với trước kia và thấp hơn tốc độ tăng vốn mà các nhà đầu tư đến từ các nước và khu vực khác. Bước sang năm 2005, vốn đầu tư từ EU vào Việt Nam đã tăng lên rất mạnh đạt 890 triệu USD, gấp

gần 3 lần tổng vốn FDI trong 3 năm 2002, 2003 và 2004; chiếm 17% trong tổng vốn FDI đăng ký của các nước tại Việt Nam (5,8 tỷ USD).

Năm 2008, là năm FDI vào Việt Nam bùng nổ mạnh mẽ với hơn 60 tỷ USD đăng ký, thì dòng FDI từ EU vào Việt Nam cũng cho thấy xu hướng này (hình 2). Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới mà các nền kinh tế EU bị ảnh hưởng nặng nề đã khiến FDI của EU vào Việt Nam năm 2009

giảm mạnh. Tính đến ngày 20-10-2009, EU có 83 dự án đầu tư mới vào Việt Nam với 327,8 triệu USD đăng ký, giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2008. Theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chỉ có 10 nước EU có dự án đầu tư mới vào Việt Nam năm 2009 tính tới thời điểm 20-10-2009, trong đó Bungary là nước mới gia nhập EU duy nhất nằm trong nhóm này.

• *Tình hình thực hiện vốn FDI*

Mặc dù EU là nhà đầu tư lớn thứ 6 tại Việt Nam theo vốn đăng ký, nhưng EU lại có vốn thực hiện lớn thứ 2 tại Việt Nam với 4,8 tỷ USD (chiếm 14,37% tổng vốn thực hiện tại Việt Nam) sau Nhật Bản (chiếm 17,06%) tính đến năm 2007. Số vốn thực hiện này đã tăng nhanh, đạt khoảng 7 tỷ USD năm 2008, chiếm tới 60% vốn đăng ký. EU có tỷ lệ cao nhất xét trên nền tảng cộng dồn mức đầu tư thực hiện trên mức đầu tư cam kết – tỷ lệ này cao hơn gấp 4 lần mức trung bình (vốn giải ngân so với vốn đăng ký) của các nhà đầu tư ở Việt Nam trong năm 2008. Như vậy, về thực chất có thể nói EU là nhà đầu tư lớn thứ 2 tại Việt Nam sau Nhật Bản. Các dự án đầu tư của EU có tỷ lệ vốn vay là 42%, trong khi tỷ lệ vốn vay trung bình của các dự án FDI tại Việt Nam là 54%, chứng tỏ các dự án đầu tư của EU ít rủi ro hơn.

• *Lĩnh vực đầu tư*

Xu hướng đầu tư hiện nay của EU tập trung nhiều vào các ngành dịch vụ. Tuy nhiên, đầu tư của EU ở Việt Nam hơn một nửa vào các ngành công nghiệp, công nghiệp nặng và khai thác dầu khí. Các dự án trong lĩnh vực dịch vụ ít hơn nhiều, và đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, rừng, ngư nghiệp không đáng kể². Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với đặc điểm đầu tư của EU. Lĩnh vực dịch vụ ở Việt Nam chưa thực sự thuận lợi cho các nhà đầu tư, thêm vào đó khả năng tiếp cận các dịch vụ của thị trường còn hạn chế, nên Việt Nam cũng như các nước đang phát triển nói chung không phải là những nơi đầu tư chính của

EU. Đầu tư của EU tập trung chủ yếu vào các nước phát triển.

Tính đến hết năm 2005, đầu tư của EU vào ngành công nghiệp có tỷ trọng lớn nhất với 55,42% số dự án và 58,62% tổng vốn đăng ký của EU. Tiếp theo là ngành dịch vụ với 34,74% số dự án và 34,93% vốn đăng ký. Ngành nông nghiệp và lâm nghiệp giành được ít sự quan tâm hơn nên chỉ chiếm 9,84% tổng số dự án và 6,45% tổng vốn đăng ký. Mặc dù vậy đầu tư của EU cho ngành nông nghiệp vẫn còn cao hơn so với các nhà đầu tư khác.

Lĩnh vực công nghiệp nặng đứng đầu trong các lĩnh vực mà EU đầu tư vào Việt Nam. Ngoài ra, cũng trong lĩnh vực này tỷ lệ vốn thực hiện trên vốn đăng ký khá cao, đạt 51,89%. Ngành công nghiệp nhẹ mặc dù chỉ chiếm một vị trí khiêm tốn trong tổng vốn đầu tư của EU (3,37%) nhưng số dự án lại khá lớn, chiếm 17,47% tổng số dự án đầu tư của EU và tỷ lệ vốn thực hiện trên vốn đầu tư khá cao, đạt 50,96%. Với thế mạnh về công nghệ và tài chính, các nhà đầu tư EU đã mang đến Việt Nam những kỹ thuật hiện đại và kinh nghiệm quản lý tiên tiến, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực như: điện, điện tử, tin học, ô tô, xe máy, hóa chất, công nghệ thực phẩm. Một loạt các công ty lớn đã có mặt tại Việt Nam như: Daimler Chrysler (Đức) trong lĩnh vực sản xuất ô tô; Uniliver (Hà Lan) trong lĩnh vực sản xuất bột giặt và dầu gội đầu; Electrolux (Thụy Điển) trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng và thực phẩm; IBC (Hà Lan) trong lĩnh vực sản xuất các loại nước giải khát; Akzo Nobel (Thụy Điển) trong lĩnh vực phân bón, hóa chất; Bayer AG (CHLB Đức) trong lĩnh vực dược phẩm; đáng kể nhất là ba dự án xây dựng, vận hành nhà máy điện và bán điện cho Tổng công ty Điện lực Việt Nam của ba công ty: Amata Power (CHLB Đức), BP Holding

2. Viet Nam calls EU important investor (13/10/2007), <http://investment.ttv.vn/Default.aspx?ctl=Articles&tID=2&pID=120>

BV (Hà Lan), EDF (Pháp) với vốn đầu tư tương ứng 110 triệu USD, 450 triệu USD và 480 triệu USD.

Công nghiệp dầu khí tuy chỉ chiếm số dự án nhỏ nhưng số vốn đăng ký lại rất lớn. Nhìn chung các nhà đầu tư EU đặc biệt quan tâm đến dầu khí. Tính đến hết năm 2005, EU có 6 dự án công nghiệp dầu khí trên tổng số 26 dự án dầu khí của các nước đầu tư vào Việt Nam. Tuy nhiên, tổng vốn đăng ký trong lĩnh vực dầu khí của EU đạt 1.318 triệu USD, chiếm 71,1% tổng vốn đăng ký của toàn bộ các dự án dầu khí tại Việt Nam. Vốn đầu tư thực hiện của các dự án dầu khí cũng rất lớn, chiếm 115,9% trong tổng vốn đăng ký của lĩnh vực này. Hầu hết các tập đoàn dầu khí nổi tiếng thế giới đều đã có mặt ở Việt Nam như: BP Exploration (Vương Quốc Anh), Shell Group (Hà Lan-Vương Quốc Anh), TotalEltFina (Pháp).

Trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp cũng có 2 dự án có quy mô lớn, đó là: dự án mía đường Bourbon - Tây Ninh của tập đoàn Sucreries de Bourbon (Pháp) với tổng vốn đầu tư 113 triệu USD được coi là dự án mía đường lớn nhất của nước ta và dự án cung cấp các dịch vụ khuyến nông, thú y, thức ăn gia súc của công ty Friesland Vietnam Holding B.V (Hà Lan) với tổng vốn đầu tư là 49,5 triệu USD.

Giao thông vận tải - bưu điện là lĩnh vực chiếm lượng vốn đầu tư lớn thứ hai sau lĩnh vực công nghiệp nặng. Cho đến thời điểm hết năm 2005, vốn đăng ký trong lĩnh vực này đã đạt 1.361 triệu USD. Mặc dù vậy, vốn đầu tư thực hiện trên tổng vốn đăng ký lại rất thấp, khoảng 10,28%. Riêng trong lĩnh vực bưu điện - viễn thông đã có nhiều hãng viễn thông nổi tiếng có mặt tại Việt Nam như: Siemens (CHLB Đức), Alcatel France (Pháp), Hutchison Telecommunication (Luxembourg)... Năm 1995, hãng Siemens (CHLB Đức) có dự án liên doanh sản xuất lắp ráp tổng đài EWSD 15 triệu USD, hãng Alcatel France (Pháp) liên doanh sản xuất lắp ráp tổng đài điện thoại điện tử kỹ thuật số 1000E10 gần 15 triệu USD; năm 1997, hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) giữa Tổng công ty Bưu chính viễn

thông và FCR Việt Nam (France Cable et Radio Việt Nam, Pháp) nhằm xây dựng mới, nâng cấp và cung cấp dịch vụ viễn thông trị giá 615 triệu USD; năm 2005, có thêm một dự án phát triển mạng điện thoại di động CDMA 800Mhz của hãng Hutchison Telecommunication (Luxembourg) cũng theo hình thức BCC với số vốn đầu tư rất lớn 656 triệu USD.

• Về đối tác đầu tư

Cho đến thời điểm 20-10-2009, trong tổng số 27 nước thành viên EU thì đã có 20 nước đầu tư vào Việt Nam, 7 nước còn lại chưa có dự án đầu tư vào Việt Nam là: Bồ Đào Nha, Hy Lạp, Estonia, Latvia, Lithuania, Malta, Slovakia. Mặc dù có 20 nước đầu tư vào Việt Nam, vốn đầu tư chỉ tập trung vào một số nước, các nước còn lại cũng chỉ có vài dự án với vốn đầu tư rất ít. Trong số những nước EU đang đầu tư vào Việt Nam thì có 4 nước có vốn đầu tư đăng ký trên 2 tỷ USD là: Pháp, Hà Lan, Síp và Vương Quốc Anh. Pháp đứng đầu với 267 dự án, vốn ở mức trên 3 tỷ USD; tiếp theo là Hà Lan, với 123 dự án, giá trị đạt 2,87 tỷ USD. Síp là nhà đầu tư của EU lớn thứ 3 ở Việt Nam chỉ với 6 dự án nhưng số vốn đăng ký đã lên tới 2,2 tỷ USD. Síp cũng là nhà đầu tư có số vốn mới nhiều nhất trong năm 2008 so với các nước Châu Âu khác. Tuy nhiên, vốn đầu tư thực hiện của Síp ở Việt Nam vẫn còn thấp. Sau nữa là Vương Quốc Anh, 119 dự án và vốn gần 2,14 tỷ USD³. Nhiều nước còn lại cũng chỉ có vài triệu USD đầu tư, chưa kể vốn thực hiện còn thấp hơn. Luxemboug là nước có vốn đăng ký lớn thứ 4 trong số các nhà đầu tư EU với 987 triệu USD tính đến thời điểm trên, nhưng vốn thực hiện của nước này rất ít, chỉ đứng thứ 10 trong số các nước EU.

Trong số 12 thành viên mới, có 7 nước đã có dự án đầu tư vào Việt Nam, đó là Bungary, CH Séc, Síp, Hungary, Rumani, Balan, Slovenia. Các nước còn lại cùng với 2 thành viên cũ là Bồ Đào Nha và Hy Lạp chưa có vốn đầu tư

3. Cục Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

vào Việt Nam. Tổng số vốn các thành viên mới đầu tư vào Việt Nam tính đến hết năm 2008 đạt 2,42 tỷ USD, chiếm 19,39% vốn đầu tư của EU và 1,51% tổng vốn đầu tư tại Việt Nam. Đây là con số cải thiện rất nhiều so với năm trước đó. Nhờ đầu tư mạnh mẽ của Síp đã góp phần làm cho các thành viên mới của EU có vai trò quan trọng hơn ở thị trường Việt Nam. Tiếp sau Síp là Ba Lan, nước có vốn đầu tư vào Việt Nam lớn thứ hai với 98 triệu USD và 7 dự án và vốn thực hiện còn nhiều hơn của Luxemboug.

2. Nhận xét, đánh giá và triển vọng đầu tư của EU vào Việt Nam

- *Đầu tư của EU vào Việt Nam đã có sự tăng trưởng đáng ghi nhận trong những năm vừa qua.* Lúc mới thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai bên, các dự án đầu tư của EU vào Việt Nam còn rất ít nhưng đến 20/10/2009, EU đã là nhà đầu tư lớn thứ 6 của Việt Nam sau các nhà đầu tư khác như: Hàn Quốc, Đài Loan, Malaixia, Nhật Bản, Xingapo. Mặc dù vị trí của EU trong các nhà đầu tư đăng ký vào Việt Nam giảm trong năm 2008 và chưa có nhà đầu tư nào của EU đứng trong 10 nhà đầu tư lớn nhất vào Việt Nam, nhưng đầu tư của EU vẫn có vai trò rất quan trọng đối với kinh tế Việt Nam. Khi cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008 xảy ra, đầu tư của EU vào Việt Nam cũng giảm mạnh như sự suy giảm đầu tư nước ngoài ở Việt Nam.

- *EU là nhà đầu tư có vốn đăng ký đứng thứ 6 ở Việt Nam nhưng vốn thực hiện cao thứ 2 trong số các đối tác đầu tư tại Việt Nam chỉ sau Nhật Bản.* Như vậy, về thực chất, EU là nhà đầu tư lớn thứ 2 tại Việt Nam. Tuy rằng còn ít dự án so với một số đối tác khác của Việt Nam nhưng các dự án của EU đều có tầm quan trọng nhất định với kinh tế Việt Nam. Các dự án của EU đã tiến vào những lĩnh vực then chốt như công nghiệp dầu khí, cơ khí ô tô, dịch vụ tài chính - bảo hiểm, công nghệ mới, du lịch, hạ tầng... Không những thế, các dự án của các công ty EU đều được đánh giá là hoạt động khá hiệu quả.

- *Qui mô trung bình các dự án từ EU là 15,2 triệu USD,* đã tăng nhiều so với mức thống kê năm 2007, do năm 2008 có nhiều dự án lớn của EU đầu tư vào Việt Nam. Mặc dù vậy, mức này cũng chỉ tương đương với mức trung bình các dự án đầu tư vào Việt Nam và cao hơn so với trung bình các dự án của các nhà đầu tư hàng đầu như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan. Đặc biệt đầu tư của Síp có số vốn trung bình một dự án rất cao ở mức 368 triệu USD, hay của Hà Lan cũng ở mức hơn 25 triệu USD. Điều này cho thấy các dự án đầu tư của EU có nhiều dự án lớn hơn nhiều nhà đầu tư khác. Như vậy, chúng ta có thể hiểu đây là những dự án của những công ty có tiềm lực tài chính lớn, thường là những tập đoàn xuyên quốc gia.

- *Có nhiều dự án có chất lượng đã và đang đầu tư vào những ngành công nghệ cao, chế biến sâu của Việt Nam.* Đây là mong muốn lớn nhất của Việt Nam đối với các nhà đầu tư EU. Hiện nay hầu hết các tập đoàn lớn, có tiềm lực mạnh hàng đầu của EU đã và đang xem xét đầu tư sản xuất kinh doanh tại Việt Nam, chẳng hạn như Tập đoàn Unilever, Daimler Chrysler của Đức, Electrolux của Thụy Điển, IBC của Hà Lan, BP hay Shell Group của Anh, Siemen của Đức., trong đó có những công ty đã được rất nhiều người dân Việt Nam biết đến, có những đóng góp lớn về mặt xã hội như tập đoàn Unilever... Đối với những tập đoàn này, đầu tư của họ sẽ có tác động lan tỏa rất rộng trong nền kinh tế. Đầu tư của các tập đoàn lớn của EU ở Việt Nam có tác động nhất định đến việc lôi kéo các nhà đầu tư ở các nơi khác cũng đầu tư vào Việt Nam, đồng thời cũng thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam.

- *So với các nước và vùng lãnh thổ trong khu vực như Thái Lan, Xingapo, Hồng Kông, Đài Loan thì đầu tư của EU vào Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế.* Đầu tư giữa EU và Việt Nam chưa tương xứng với tiềm năng hiện có. Đây là nhận định của cả EU và Việt Nam. Tuy nhiên, trên thực tế, đầu tư của EU vào

Việt Nam vẫn có xu hướng tăng lên nhưng chưa rõ ràng. Thời điểm thông thoáng nhất cho đầu tư nước ngoài ở Việt Nam mới xuất hiện trong một, hai năm gần đây, do đó nó chưa phản ánh hết mong muốn đầu tư thực sự của các nhà đầu tư EU.

Một điều đáng chú ý là vị trí đầu tư của EU vào Việt Nam không được cải thiện những năm gần đây. Vị trí này chưa tương xứng với tiềm năng của hai bên. Hiện nay EU đã có 27 thành viên, gồm những nước phát triển hàng đầu thế giới, trong khi Việt Nam là nước đang nổi được rất nhiều nhà đầu tư khác quan tâm. Trong giai đoạn 1996-2000, đã có năm đầu tư của EU chiếm tới 19% trong tổng đầu tư nước ngoài của Việt Nam. Tỷ trọng này giảm dần đặc biệt nhanh trong những năm gần đây. Điều này cho thấy sự quan tâm của các nhà đầu tư EU đến thị trường Việt Nam chưa sâu sắc. Có rất nhiều nhà đầu tư lớn của EU vẫn còn đứng ngoài chờ đợi sự thay đổi ở Việt Nam. Họ vẫn còn dè dặt, có tâm lý thăm dò thị trường Việt Nam. Nhiều công ty mới chỉ đặt văn phòng đại diện, hoặc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với số vốn nhỏ. Số các công ty của EU đầu tư sản xuất thực sự còn rất hạn chế.

- *Đầu tư của EU chỉ tập trung vào một số nước như: Hà Lan, Pháp, Anh, Đức và mới đây là Sip và Luxemboug chiếm tới 92% tổng đầu tư của EU vào Việt Nam.* Trong khi đó các nước còn lại đầu tư còn ít, nhiều nước có khối lượng đầu tư ra nước ngoài lớn như Italia, Tây Ban Nha, Đan Mạch... nhưng đầu tư vào Việt Nam còn rất hạn chế. Một số nước mới đầu tư vào Việt Nam đang trong giai đoạn triển khai dự án, vốn thực hiện chưa đáng kể.

- *Đầu tư của EU cũng chỉ tập trung vào một số địa phương của Việt Nam như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bà Rịa - Vũng Tàu.* Ba địa phương này chiếm tới 64% vốn đầu tư của EU vào Việt Nam (tính đến năm 2005). Nhìn chung đầu tư của EU chủ yếu vào các tỉnh miền Nam. ở miền Bắc, ngoài Hà Nội ra, không có đầu tư đáng kể nào của EU. Sự

mất cân đối này sẽ có những tác động không tốt đến chiến lược phát triển kinh tế vùng của Việt Nam.

- *Hình thức đầu tư của EU vào Việt Nam còn chứa đựng nhiều hạn chế.* Trong thời gian qua, đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện dưới bốn hình thức là: 100% vốn nước ngoài, liên doanh, BCC, hợp đồng xây dựng-kinh doanh-chuyển giao (BOT) và các hình thức khác như: công ty cổ phần, công ty quản lý vốn (công ty mẹ - con), đầu tư thực hiện việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp mới được thực hiện thí điểm tại Việt Nam. Đầu tư của EU cũng giống như của Mỹ và các nước phương Tây khác thường là những dự án 100% vốn chiếm đa số. Điều đáng quan tâm ở Việt Nam là mặc dù số dự án không phải là lớn nhất nhưng số vốn dưới hình thức BCC chiếm tỷ trọng lớn nhất so với các hình thức còn lại, cụ thể tính đến hết năm 2005, vốn đầu tư dưới hình thức BCC chiếm 36,78% so với 26,55% dưới hình thức 100% vốn nước ngoài và 20,06% dưới hình thức liên doanh. Như vậy, hình thức 100% vốn nước ngoài và liên doanh chiếm 46,61%, còn lại là hình thức BCC, BOT và công ty mẹ con chiếm đa số. Điều này gây bất lợi cho Việt Nam bởi vì những hình thức BCC và BOT không có tính chất sản xuất kinh doanh lâu dài, không khuyến khích nghiên cứu và phát triển (R&D), chuyển giao công nghệ cũng như kinh nghiệm quản lý.

- *Thực trạng đầu tư của EU vào Việt Nam còn thấp chủ yếu là do:*

+ *Chính sách đầu tư của các công ty EU có những điểm khác với mong muốn của Việt Nam.* Hay nói cách khác, lợi ích của hai bên chưa trùng nhau. Đầu tư của EU tập trung vào những lĩnh vực dịch vụ, công nghệ cao, chế biến sâu. Họ cần những thị trường có sức mua lớn, tính liên kết thị trường cao. Điều này thì chúng ta chưa có. Việt Nam là thị trường lớn với dân số 86 triệu người nhưng thu nhập bình quân đầu người thấp, vì thế sức mua của thị trường cũng không lớn lắm. Mặt khác, Việt Nam có lợi thế về lao động rẻ,

đồi dào nhưng chất lượng thấp, vì thế không hấp dẫn các nhà đầu tư EU. Ngoài ra, những lĩnh vực EU quan tâm như dịch vụ thì chúng ta chưa sẵn sàng. Giờ đây khi đã gia nhập WTO, Việt Nam đang mở rộng cửa những lĩnh vực như vậy và các nhà đầu tư EU bắt đầu hướng chú ý về Việt Nam.

Ngoài ra, đầu tư của EU chỉ tập trung vào một số thị trường, trong đó vẫn ưu tiên đầu tư nội khối, các nước châu Âu không thuộc EU và các nước Bắc Mỹ. Người ta ước lượng rằng trong vài năm tới đầu tư từ các nước EU sẽ tăng nhưng ở tỷ lệ thấp hơn đầu tư từ Nhật Bản và Mỹ chủ yếu là do dòng vốn đầu tư của EU được tập trung vào các thành viên mới của EU. Mặt khác, áp lực cạnh tranh vốn FDI trên thế giới diễn ra gay gắt. Không chỉ Việt Nam mà môi trường đầu tư sinh lợi ở các nước khác cũng rất cao. Trong khi Việt Nam là nước đi sau, kinh tế còn kém phát triển và đang trong quá trình hoàn thiện chính sách cũng như thể chế kinh tế cũng sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc thu hút FDI từ EU.

+ *Môi trường đầu tư của Việt Nam mặc dù đã được cải thiện nhiều nhưng vẫn còn chứa đựng nhiều cản trở và kém thông thoáng so với các nước trong khu vực.* Nhìn nhận về môi trường đầu tư của Việt Nam, các chuyên gia cho rằng nó là sự đan xen của cả yếu tố tích cực và tiêu cực. Việt Nam nằm ở vị trí rất cạnh tranh, môi trường đầu tư liên tục được cải thiện trong những năm qua nên các tập đoàn lớn trên thế giới đều tỏ ra quan tâm đến Việt Nam. Tuy nhiên, các nhà đầu tư phân nản về việc triển khai dự án thường gặp khó khăn như khi xin cấp phép đầu tư; chi phí viễn thông, vận tải còn cao; thiếu sự phối hợp giữa các bộ, ngành, trên - dưới. Thêm vào đó, môi trường đầu tư của các nước láng giềng của Việt Nam cũng được cải thiện với tốc độ không thua kém Việt Nam nên sức hút đầu tư của Việt Nam còn chưa mạnh. Các nhà đầu tư EU vẫn phân nản nhiều về tình trạng quan liêu, tham nhũng ở các cơ quan công quyền Việt Nam. Theo họ, Việt

Nam dường như chưa sẵn sàng để tiếp nhận các nguồn đầu tư lớn, mặc dù con người Việt Nam có khả năng lớn và điều kiện an ninh của Việt Nam có độ tin cậy rất cao.

+ *Thông tin cho các nhà đầu tư và người dân của Việt Nam thiếu minh bạch, không được công khai kịp thời, đặc biệt trong những yếu tố liên quan đến luật pháp và chính sách.* Điều này thường gây sự nhầm lẫn không đáng có và dễ bị hiểu sai. Các văn bản hướng dẫn thực thi pháp luật thường xuyên chậm so với thời gian hiệu lực của văn bản pháp luật làm cho các nhà đầu tư gặp rất nhiều khó khăn.

+ *Cơ sở hạ tầng vẫn là trở ngại lớn đối với các nhà đầu tư.* Thời gian gần đây, tình trạng thiếu điện thường xuyên diễn ra, nhất là vào mùa hè, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất của các doanh nghiệp. Hơn nữa, giá điện, nước ở Việt Nam đang đề nghị tăng và được tính theo phương pháp lũy tiến, nếu dùng nhiều thì phải trả giá cao hơn, điều này trái ngược với xu hướng chung của thế giới. Chi phí cho thông tin liên lạc và các dịch vụ khác ở Việt Nam vẫn thuộc loại cao so với các nước khác.

+ *Chất lượng nhân lực của Việt Nam vẫn là trở ngại lớn với các nhà đầu tư EU.* Phần lớn lao động vừa mới ra trường không đáp ứng được yêu cầu công việc mà phải đào tạo thêm. Hơn nữa, số lượng lao động qua đào tạo còn khá thấp. Số ứng viên đáp ứng được yêu cầu của các nhà tuyển dụng còn thấp hơn. Các ứng viên không chỉ yếu về chuyên môn mà còn yếu về ngoại ngữ và khả năng giao tiếp.

+ *Đặc biệt trình độ phát triển công nghiệp phụ trợ ở Việt Nam vẫn ở mức thấp* không chỉ so với Trung Quốc mà còn với tất cả các nước khác. Đây là một hạn chế lớn vì các lĩnh vực đầu tư mà Việt Nam mong muốn là những ngành công nghệ chế tạo và công nghệ cao, đòi hỏi phải có sự phát triển tương ứng của ngành công nghiệp phụ trợ.

+ *Đối tác đầu tư trong nước vẫn còn nhiều hạn chế.* Các doanh nghiệp tư nhân chủ yếu

qui mô nhỏ, hạn chế về nguồn lực và kinh nghiệm quản lý. Trong khi đó, các doanh nghiệp lớn chủ yếu là doanh nghiệp nhà nước, hoạt động kém hiệu quả, thường xuyên trong tình trạng lãi giả lỗ thật. Hoạt động cải cách doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam vẫn chậm chạp, chưa đáp ứng yêu cầu.

- *Hoạt động xúc tiến đầu tư của Việt Nam ở thị trường EU vẫn còn hạn chế.* Lý do có thể nguồn tài chính dành cho xúc tiến đầu tư hạn hẹp và phương pháp xúc tiến đầu tư của Việt Nam chưa hiệu quả, vẫn mang tính chất chung chung.

- *Riêng năm 2009, do cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu xảy ra ở Mỹ đã nhanh chóng lan sang Châu Âu, dẫn tới sự sụp đổ và thu hẹp sản xuất của hàng loạt các công ty, đã làm cho FDI của EU vào Việt Nam giảm mạnh trong năm 2009.*

Đầu tư trực tiếp nước ngoài của EU vào Việt Nam đã bị ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008. Số liệu thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tính đến giữa tháng 10-2009 cho thấy sự sụt giảm mạnh FDI của EU vào Việt Nam. Một số nước EU như Anh, Đức, Ailen đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng này. Cuộc khủng hoảng này đã khiến nhiều công ty lớn có đóng góp nhiều vào tổng vốn đầu tư ra nước ngoài của EU phải cơ cấu lại, thu hẹp sản xuất hoặc thay đổi chiến lược kinh doanh. Điều này đã khiến cho dòng FDI ra ngoài của EU suy giảm mạnh và FDI của EU vào Việt Nam cũng trong xu hướng chung này. Báo cáo của UNCTAD năm 2009 cho thấy dòng FDI toàn cầu sẽ suy giảm mạnh trong năm 2009, khả năng hồi phục có thể từ năm 2011, khi các nền kinh tế dần thoát khỏi suy thoái. Có rất nhiều các phân tích cho thấy rằng, để đầu tư của EU vào Việt Nam đạt mức trước khủng hoảng kinh tế, cần phải mất vài năm, thậm chí lâu hơn nữa nếu kinh tế EU không hồi phục mạnh mẽ.

Ngay cả khi không có khủng hoảng thì FDI của EU vào Việt Nam vẫn được cho là chưa thật sự ổn định. Đáng nói hơn là ngay

cả khi FDI của EU vào Việt Nam tăng mạnh (trong năm 2008) thì vị trí của EU vẫn không được cải thiện so với các nhà đầu tư khác tại Việt Nam vì họ có vốn FDI vào Việt Nam còn tăng nhanh hơn của EU. Chính vì vậy, có thể nói rằng chưa có sự gia tăng đột biến trong đầu tư của EU vào Việt Nam trong những năm tới và đầu tư của EU vào Việt Nam phần nhiều vẫn theo xu hướng chung của dòng FDI vào Việt Nam.

Mặc dù vậy, cũng cần nói tới các cơ hội trong giai đoạn khó khăn này. Kinh tế Việt Nam được đánh giá có sức chống chọi tốt trước khủng hoảng. Thực tế, trong năm 2009, tăng trưởng kinh tế nước ta được dự báo khá cao so với rất nhiều nước khác. Đây có thể là cơ hội để các nhà đầu tư EU lựa chọn địa điểm sinh lời trong giai đoạn khó khăn này. Chính vì vậy, Việt Nam cần có những chính sách mạnh mẽ cải thiện môi trường đầu tư để thu hút đầu tư từ EU./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Eurostat (2005), EU FDI Yearbook 2005.
2. Eurostat (2008), EU FDI Yearbook 2008.
3. UNCTAD, World Investment Report 2007.
4. Eurostat, Economic and Finance: Statistics in focus, 106/2007, EC 2007.
5. Eurostat, EU-15 FDI in the new Member States. Statistics in focus, 71/2008, EC.
6. Eurostat, EU-27 FDI in BRIC increased by more than 50% in 2007, Statistics in focus, 64/2008, EC.
7. Eurostat, EU-15 FDI in the new Member States continues to increase, Statistics in focus, 106/2007, EC.
8. Eurostat, EU25 FDI 2001-2003 data, Statistics in focus, 5/2004, EC.
9. EU Blue Book 2007.
10. EU vẫn lạc quan về kinh tế Việt Nam, VCI News, www.kinhte24h.com cập nhật 02-06-2008.
11. Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, Số liệu thống kê đầu tư nước ngoài của, www.mpi.gov.vn
12. Chương trình hành động của Chính phủ về Phát triển quan hệ Việt Nam – Liên minh Châu Âu đến 2010 và định hướng tới 2015, <http://www.nciec.gov.vn/index.nciec??240>